



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 4/2021

1

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 4/2021 ước đạt 4,45 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 17,15 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 5,9 tỷ USD, tăng 9%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 125 triệu USD, tăng 37,4%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 2,39 tỷ USD, tăng 6,1%; và giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,33 tỷ USD, tăng 50,9%.

Nếu tính theo từng thị trường, tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 4 tháng đầu năm 2021 của Việt Nam tới các thị trường thuộc khu vực châu Á ước tăng 18,2%, đạt 8,05 tỷ USD; châu Mỹ tăng 56,7%, đạt 4,73 tỷ USD; châu Phi tăng 11,8%, đạt 249 triệu USD; châu Đại Dương tăng 29,2%, đạt 239 triệu USD; xuất khẩu sang khu vực châu Âu xấp xỉ bằng với cùng kỳ năm 2020, đạt 1,72 tỷ USD.

Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu nông lâm thủy sản tháng 4/2021 ước đạt 4,15 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 14,9 tỷ USD, tăng 48,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông sản chính 4 tháng đầu năm 2021 ước đạt 5 tỷ USD, tăng 121,9%; giá trị nhập khẩu chăn nuôi ước đạt 1,38 tỷ USD, tăng 36,9%; giá trị nhập khẩu thủy sản ước đạt 0,68 tỷ USD, tăng 22,1%; và giá trị nhập khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt gần 1 tỷ USD, tăng 33,7%.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 4/2021 ước đạt 700 nghìn tấn với giá trị đạt 362 triệu USD, đưa tổng khối lượng gạo xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 1,9 triệu tấn với giá trị 1,01 tỷ USD, giảm 10,8% về khối lượng nhưng tăng 1,2% về giá trị so với

cùng kỳ năm 2020. Tính trong 3 tháng đầu năm 2021, Philippin là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 36,3% thị phần, khối lượng và giá trị đạt 411,58 nghìn tấn và 219,96 triệu USD, giảm 30,7% về khối lượng và giảm 14,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Bồ Biển Ngà (gấp 2,7 lần) và Ôxtraylia (tăng 66%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm nhiều là Mozambique (giảm 53,5%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2021 đạt 547,8 USD/tấn, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Về chủng loại xuất khẩu, trong ba tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 39,3% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 36,0%; gạo nếp chiếm 22,0%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 2,6%, còn các loại gạo khác chiếm 0,1%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (chiếm 63,1%), Cuba (chiếm 12,6%) và Malaysia (chiếm 5,7%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (chiếm 21,9%), Ghana (19,8%) và Bồ Biển Ngà (chiếm 16,8%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (chiếm 82,5%), Malaysia (chiếm 6,7%) và Philippin (chiếm 4,3%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất và nhì của Việt Nam là Đảo quốc Solomon (chiếm 11,8%) và Campuchia (chiếm 11,8%), tiếp theo là Ả rập Xê út (chiếm 8,7%).

2

Trên thị trường thế giới, trong tháng 04/2021, giá gạo Việt Nam đạt 508 USD/tấn vào đầu tháng và đã giảm xuống còn 488 USD/tấn vào cuối tháng, nguyên nhân chính là do vụ Đông Xuân đã thu hoạch xong nên nhu cầu mua nguyên liệu giảm, chờ đợi vụ Hè Thu sắp tới. Giá gạo 5% của Ấn Độ đạt 396 USD/tấn vào đầu tháng nhưng đã giảm xuống 377 USD/tấn vào cuối tháng. Hiện hoạt động logistics của Ấn Độ đang rất khó khăn khi dịch Covid-19 bùng phát trở lại và gây ra khủng hoảng rộng trong xã hội. Giá gạo Thái Lan đạt mức 494 USD/tấn và giảm xuống 485 USD/tấn vào cuối tháng. Trong tháng hoạt động thương mại tại Thái Lan diễn ra khá chậm chạp khi nước này trong dịp đón lễ hội Năm mới Songkran.

Tại thị trường trong nước, giá lúa Đông Xuân tại các tỉnh ĐBSCL giảm trong tháng 4/2021 do các địa phương đã hoàn tất thu hoạch, chất lượng lúa cuối vụ giảm. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 giảm 400 đồng/kg, từ 6.400 đồng/kg xuống 6.000 đồng/kg; lúa OM 2514 giảm 400 đồng/kg xuống 6.000 đồng/kg; gạo thường có giá 11.000 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 15.000 đồng/kg. Tại Kiên Giang, giá lúa IR50404 giảm 100 đồng/kg, từ 6.700 – 6.900 đồng/kg xuống 6.700 – 6.800 đồng/kg; lúa OM 6976 ổn định ở mức 6.800 – 7.000 đồng/kg; lúa OM 5451 giảm 200 đồng/kg, từ 6.900 – 7.100 đồng/kg xuống 6.800 – 6.900 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa tươi IR50404 đứng ở mức 6.600 đồng/kg, lúa khô IR50404 đứng ở mức 9.000 đồng/kg; lúa khô hạt dài tăng 100 đồng/kg lên 9.500 đồng/kg. Tại Bạc Liêu, lúa Đài thơm 8 giảm 100

đồng/kg, từ 6.700 – 6.800 đồng/kg xuống 6.600 - 6.700 đồng/kg, lúa OM5451 ổn định ở mức 6.500 - 6.600 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: Năm 2021 dự báo điều kiện thời tiết không thuận lợi tại nhiều nơi trên thế giới nên sản lượng lương thực giảm ở nhiều quốc gia, và nhu cầu nhập khẩu gạo sẽ tăng trong năm 2021. Thị trường châu Âu được dự báo sẽ sôi động hơn khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực và Việt Nam là một đối tác thương mại gạo quan trọng.

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 4 năm 2021 ước đạt 380 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 4 tháng đầu năm 2021 đạt 1,35 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021 với 64,7% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 610,8 triệu USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2020. Ba tháng đầu năm 2021, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh nhất là Ucraina (gấp 6,97 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh nhất là Ả-rập Xê-út (giảm 62,0%).

3

Cơ cấu các mặt hàng rau quả xuất khẩu trong 3 tháng đầu năm 2021 gồm: thanh long đạt 329,4 triệu USD (chiếm 34,1% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020); xoài đạt 125,2 triệu USD (chiếm 12,9%, tăng 30,6%); chuối đạt 80 triệu USD (chiếm 8,3%, tăng 35,2%); dứa đạt 64 triệu USD (chiếm 6,6%, tăng 13,0%), mít đạt 57,6 triệu USD (chiếm 6,0%, tăng 63,8%); chanh đạt 32,4 triệu USD (chiếm 3,4%, tăng 0,8%); dưa hấu đạt 32,2 triệu USD (chiếm 3,3%, tăng 28,1%); ...

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 4/2021 đạt 100 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 451,1 triệu USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Myanmar là ba thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021. So với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu rau quả 3 tháng đầu năm 2021 từ Trung Quốc (tăng 59,6%), Hoa Kỳ (giảm 5,9%), Myanmar (tăng 35,1%).

Những tháng đầu năm 2021, hoạt động trồng trọt diễn ra trong điều kiện thuận lợi so với cùng kỳ năm trước. Một số loại trái cây mùa hè bắt đầu cho thu hoạch rải rác như mận Sơn La, vải U Hồng, U Trứng Tây Nguyên... Trong tháng 4/2021, thị trường trái cây ít biến động hơn so với tháng trước. Giá nhiều loại trái cây ổn định ở khu vực phía Bắc, trong khi một số loại trái cây phía Nam tăng – giảm nhẹ do vào cuối vụ.

Dứa được mùa lại đang được các thương lái thu mua với giá cao khiến người nông dân ở nhiều địa phương ở Quảng Nam vô cùng phấn khởi. Không những dứa được mùa mà giá dứa nhập tại ruộng cũng rất cao. Thương lái về thu mua tại ruộng dao động từ 8.000 - 10.000 đồng/kg, cao gần gấp 2 lần các năm trước. Vậy nên, dù mới đầu vụ

thu hoạch các hộ nông dân trồng dưa đã có lãi lớn. Được biết, để tránh rủi ro, những năm trở lại đây, người dân tại nơi đây đã thực hiện canh tác theo hình thức rải vụ. Nhờ đó, mùa dưa tại địa phương này không thu hoạch ồ ạt một lần, tránh ứ đọng mà kéo dài liên tục cho đến hết mùa hè.

Tại Tiền Giang, tháng 4 là thời điểm vụ nghịch thanh long năm 2021. Giá thanh long ruột đỏ hiện được thương lái thu mua tại vườn với giá khoảng 25.000 đồng/kg. Với giá này, nông dân lãi trên 15.000 đồng/kg. Được biết, trong vụ này, nông dân áp dụng kỹ thuật xông đèn và chăm sóc để cây ra trái theo ý muốn, thường bán được giá cao gấp ba lần vụ thuận.

Một số loại trái cây khác như sầu riêng ở Tiền Giang đang vào vụ nghịch, nguồn cung hạn chế nên giá ở mức cao; Xoài tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long như Hậu Giang, Đồng Tháp... đang vào vụ thu hoạch, nhu cầu tiêu thụ tăng cao đẩy giá xoài tăng đáng kể so với thời gian trước; Giá bưởi da xanh tăng trở lại tại nhiều địa phương so với cuối tháng 3/2021; Giá thu mua dưa tại Bến tre tiếp tục ổn định so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Một số nhận định và dự báo: Đối với thị trường Đài Loan trong bốn tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường này nhìn chung khá thuận lợi. Tuy nhiên, diễn biến dịch Covid-19 khá phức tạp ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam sang thị trường này, tăng trưởng xuất khẩu hàng rau, củ, quả giảm tốc. Với kết quả đạt được trong 4 tháng đầu năm nay, dự báo xuất khẩu hàng rau, củ, quả của Việt Nam sang thị trường Đài Loan sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới do yếu tố mùa vụ. Quý II là thời điểm nắng nóng nên các loại trái cây, rau củ tươi hoặc đông lạnh được tiêu thụ khá mạnh. Việt Nam đã khai thác tốt nhóm hàng rau củ và đang đẩy mạnh xuất khẩu nhóm quả và hạt. Những tháng đầu năm 2021, ngành hàng rau quả Việt Nam đã tăng xuất khẩu một số chủng loại, gồm: hạt macadamia, hạt óc chó, nhãn, xoài, chuối, me, dưa. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của ngành. Thời gian tới, ngành rau quả Việt Nam cần chú trọng hơn đến nhóm quả và hạt vào thị trường Đài Loan, đây là nhóm hàng có lợi thế cạnh tranh và giúp gia tăng giá trị xuất khẩu.

3. Sản

Khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 4 năm 2021 ước đạt 200 nghìn tấn với giá trị đạt 74 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản 4 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1,2 triệu tấn và 443 triệu USD, tăng 13,9% về khối lượng và tăng 23,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính, chiếm 88,1% thị phần, tăng 35% về khối lượng và tăng 48,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Giá sản ở nhiều địa phương tăng. Tại Gia Lai, từ đầu năm giá sản nguyên liệu luôn ở mức cao, riêng Nhà máy sản xuất tinh bột sản Gia Lai thu mua sản của dân với giá 3.100 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm 2020. Sản được coi là một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh Gia Lai với diện tích khoảng 13.000 ha, tập trung ở vùng Đông, Đông Nam của tỉnh. Giá sản vụ này tăng cao nhưng nhiều nông dân không được hưởng lợi do sản bị mất mùa do thiên tai, dịch bệnh.

Niên vụ 2020/21, vùng nguyên liệu sản tại các huyện phía Đông tỉnh Gia Lai hầu hết đều bị ảnh hưởng bởi bệnh khảm lá, mưa bão khiến năng suất sản kém, sản lượng giảm sâu. Vụ sản xuất năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi có hơn 16.000 ha diện tích trồng cây sản, với sản lượng đạt hơn 311.000 tấn. Theo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Ngãi, vụ sản năm 2021, tính đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh đã xuống giống được hơn 14.200 ha sản, nhưng đã có hơn 2.400 ha sản bị nhiễm bệnh khảm lá tập trung tại các huyện Sơn Hà, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, TP Quảng Ngãi và Bình Sơn. Huyện Sơn Hà là địa phương có diện tích sản bị nhiễm nhiều nhất với khoảng 2.000 ha. Diện tích này bùng phát mạnh nhất chủ yếu là giống KM 140 và KM 94, nhiễm nặng hơn ở giống KM 140. Đây là năm thứ 3 liên tiếp, tỉnh Quảng Ngãi bùng phát bệnh khảm lá sản. Vụ năm 2021, dù người dân mới xuống giống được từ 1 – 3 tháng, nhưng bệnh khảm lá đã nhanh chóng lây lan trên diện rộng. Trong thời gian tới, nhiều khả năng bệnh khảm lá sẽ không dừng lại ở diện tích này mà còn tiếp tục tăng.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 4 năm 2021 ước đạt 110 nghìn tấn với giá trị đạt 209 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 4 tháng đầu năm 2021 đạt 563 nghìn tấn và 1,02 tỷ USD, giảm 17,6% về khối lượng và giảm 11,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Đức, Ý và Nhật Bản tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021 với thị phần lần lượt là 14,7%, 8,1% và 7,7%. Trong 3 tháng đầu năm 2021 giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh nhất tại Indonesia (tăng 74,8%), ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh là Bỉ (giảm 46,2%). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2021 đạt 1.801 USD/tấn, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng 4/2021, giá cà phê thế giới biến động tăng. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 5/2021 thị trường London tăng 45 USD/tấn lên mức 1.387 USD/tấn. Giá cà phê tăng do thị trường cà phê thế giới lo ngại về nguồn cung, khi Brazil bắt đầu vào thu hoạch vụ mùa mới năm nay với dự báo tổng sản lượng sụt giảm đáng kể. Bên cạnh đó, theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafé), xuất khẩu cà phê của nước này kể từ tháng 4/2021 sẽ giảm dần do đã xuất khẩu rất mạnh kể từ đầu niên vụ mới 2020/21, ước tính nh khoảng 32,61 triệu bao cà phê nhân các loại, chưa tính cà phê rang xay và cà phê hoà tan quy đổi.

Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng xu hướng thị trường cà phê thế giới. Giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện ở mức 32.200 – 33.000 đồng/kg, tăng 900 đồng/kg. Giá cà phê Rubusta giá FOB giao tại cảng thành phố Hồ Chí Minh tăng 73 USD/tấn lên 1.471 USD/tấn.

Một số nhận định và dự báo: Dự báo phân khúc cà phê hòa tan chất lượng cao toàn cầu có xu hướng tăng lên do nhu cầu làm việc tại nhà gia tăng đáng kể từ khi dịch COVID-19 bùng phát. Tuy nhiên, việc xuất khẩu cà phê trực tiếp sang thị trường EU và Hoa Kỳ còn gặp khó khăn do tình trạng thiếu container vận chuyển dù đã đỡ căng thẳng hơn trước nhưng giá cước vẫn cao.

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 4 năm 2021 ước đạt 11 nghìn tấn với giá trị đạt 18 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 4 tháng đầu năm 2021 đạt 37 nghìn tấn và 60 triệu USD, tăng 1,6% về khối lượng và tăng 7,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 33% thị phần tăng trở lại sau khi giảm trong năm 2020 – tăng 5,5% về khối lượng và tăng 10,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Giá chè xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2021 đạt 1.596 USD/tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Giá chè trên thị trường thế giới có sự điều chỉnh giảm sau khi có dấu hiệu hồi phục vào tháng trước. Tại Ấn Độ, giá chè trung bình giảm xuống mức thấp nhất của năm là 114,80 Rupee/kg (1,55 USD/kg) tại phiên bán gần đây nhất (17/4) của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA). Nguyên nhân chính khiến giá giảm xuống là do sự trì hoãn mua vào trong bối cảnh dịch Covid-19 tái bùng phát mạnh tại nước này. Ngoài ra, kỳ vọng về khối lượng chè từ Đông Bắc trở từ mùa đông có thể sẽ được tung ra thị trường trong những tuần tới cũng khiến cho các thương nhân trên thị trường chần chừ đưa ra quyết định. Giá chè tại phiên đấu giá Mombasa cũng có dấu hiệu giảm trong những tuần gần đây sau khi đã chạm mốc 2 USD/kg vào tháng trước lần đầu tiên sau 18 tuần, trước khi bắt đầu giảm trở lại trong các đợt bán hàng tiếp theo, hiện ở mức 196 Shilling (1,83 USD)/kg.

Thị trường chè nguyên liệu trong nước ổn định trong tháng. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành ổn định 9.500 đ/kg, chè hạt 7.800 đ/kg. Giá chè xuất khẩu của Việt Nam hiện vẫn ở mức tốt, cao hơn cùng kỳ năm ngoái mặc dù khối lượng xuất khẩu và kim ngạch giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

6. Tiêu

Khối lượng hạt tiêu xuất khẩu tháng 4 năm 2021 ước đạt 30 nghìn tấn, với giá trị đạt 94 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 92 nghìn tấn và 274 triệu USD, giảm 21,3% về khối lượng nhưng tăng 10,3% về giá trị so với cùng

kỳ năm 2020. Các thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021 là Hoa Kỳ, Tiểu Vương Quốc Ả rập Thống Nhất và Pakistan với 38,4% thị phần. Ba tháng đầu năm 2021, thị trường có giá trị xuất khẩu hạt tiêu tăng mạnh nhất là Canada (tăng 63,7%). Giá tiêu xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2021 đạt 2.883 USD/tấn, tăng 31,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng 4/2021, giá tiêu giao ngay trên sàn Kochi, thị trường Ấn Độ, biến động tăng giảm thất thường trong biên độ tương đối hẹp, nhưng nhìn chung mức giá vẫn cao, trên 39.000 Rupee/tạ (525.74 USD/tạ). Kết thúc phiên giao dịch cuối ngày 29/4/2021, giá tiêu tại quốc gia này ở mức 39.500 Rupee/tạ (cao nhất) (532.48 USD/tạ) và 39.250 Rupee/tạ (thấp nhất) (529.11 USD/tạ), giảm 250 Rupee/tạ (3,37 USD/tạ) so với phiên trước đó và bằng đúng mức tăng của ngày hôm trước.

Thị trường hạt tiêu trong nước biến động giảm mạnh trong tháng 4/2021. Giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu giảm 6.000 đồng/kg xuống mức 69.000 đồng/kg. Giá tiêu tại Đắk Lắk, Đắk Nông cũng giảm 6.500 đồng/kg xuống 67.000 đồng/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai giảm 5.500 đồng/kg xuống 65.500 đồng/kg. Giá tiêu tại Gia Lai giảm 7.000 đồng/kg xuống 64.000 đồng/kg. Giá tiêu tại Bình Phước giảm 6.000 đồng/kg xuống còn 68.000 đồng/kg. Hiện các vùng trồng tiêu đã gần kết thúc vụ thu hoạch, sản lượng tiêu dồi dào hơn, cộng thêm tình hình xuất khẩu chậm lại do dịch Covid-19 khiến giá tiêu giảm.

7

7. Điều

Trong 3 tháng đầu năm 2021 giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh nhất tại thị trường Tiểu Vương Quốc Ả rập Thống nhất, gấp 3,39 lần. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều giảm mạnh nhất là Anh giảm 51,6%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2021 đạt 5.862 USD/tấn, giảm 16,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 4 năm 2021 ước đạt 40 nghìn tấn với giá trị 237 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 4 tháng đầu năm 2021 đạt 152 nghìn tấn và 894 triệu USD, tăng 8,6% về khối lượng nhưng giảm 7,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ, Trung Quốc và EU vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 26,8%, 17,7% và 20,5% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Theo Tổng cục Hải quan, Quý I/2021, giá trị xuất khẩu hạt điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 31,01 ngàn tấn với giá trị khoảng 170,16 triệu USD, giảm 10,1% về lượng và 30,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu hạt điều sang thị trường EU là 23,24 ngàn tấn, đạt 116,77 triệu USD, tăng 14% về lượng nhưng giảm 21,2% về giá trị. Xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc đạt 15,53 ngàn tấn, đạt 112,98 triệu USD, tăng 136,4% về lượng và 140,2% về giá trị.

Trong khi đó, khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 4/2021 ước đạt 480 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu ước đạt 771,9 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị

nhập khẩu hạt điều 4 tháng đầu năm 2021 đạt 1,19 triệu tấn và 1,88 tỷ USD, tăng 300% về khối lượng và tăng 323,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Campuchia, Tanzania và Bờ Biển Ngà là ba thị trường cung cấp hạt điều cho Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021. Giá trị hạt điều nhập khẩu trong 3 tháng đầu năm 2021 từ 3 thị trường này đều tăng so với cùng kỳ 2020, với mức tăng lần lượt là gần 6 lần, 2,9 lần và 3 lần.

Thị trường điều thô Ấn Độ đang khan hiếm điều thô nghiêm trọng nhưng nhu cầu tiêu thụ chủ yếu đối với các loại hạt điều vỡ và chất lượng thấp. Tình trạng này có thể đảo chiều khi tháng lễ ăn chay của người Hồi giáo Ramadan bắt đầu. Tết Năm mới của người Nam Ấn cũng đang tới gần. Các hợp đồng giao xa cho vụ thu hoạch tháng 4 vẫn ở mức rất thấp ở Ấn Độ.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động từ ổn định đến giảm nhẹ trong tháng qua. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước giảm từ 29.500 đồng/kg xuống 24.000 đồng/kg; tại Đồng Nai, điều khô mua xô tiếp tục giữ ở mức 30.500 đồng/kg. Bình Phước và một số tỉnh trồng điều ở Đông Nam Bộ hiện đang vào vụ thu hoạch.

8. Cao su

8

Khối lượng cao su xuất khẩu tháng 4/2021 ước đạt 80 nghìn tấn với giá trị 143 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 4 tháng đầu năm 2021 đạt 486 nghìn tấn và 817 triệu USD, tăng 79,6% về khối lượng và tăng 111,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc, Ấn Độ và Hoa Kỳ là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021, chiếm thị phần lần lượt là 64,2%, 5,1% và 2,7%. Trong 3 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu cao su tăng ở tất cả các thị trường chính. Giá cao su xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2021 đạt 1.660 USD/tấn, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong khi đó, khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 4/2021 ước đạt 90 nghìn tấn với giá trị đạt 158,5 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 594,9 nghìn tấn và 849,5 triệu USD, tăng 144,4% về khối lượng và tăng 126,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Campuchia (chiếm 44,1% thị phần), Hàn Quốc (9,5%), Trung Quốc (7,4%) là ba thị trường cung cấp cao su chính cho Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021. So với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu cao su từ Campuchia tăng 11 lần, Hàn Quốc tăng 22,4% và Trung Quốc tăng 130,2%.

Giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) tiếp tục giảm mạnh trong nửa đầu tháng 4/2021, trước những áp lực từ làn sóng Covid-19 mới trên thế giới, sau đó hồi phục nhẹ về cuối tháng. Kết thúc phiên giao dịch 13/4, giá cao su hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 9/2021 giảm xuống mức thấp nhất trong tháng 4, đạt 224,6 yên/kg, giảm 20,8 yên (tương đương giảm 9,3%) so với giá đóng cửa phiên đầu tháng 1/4 ở mức 245,4 yên/kg. Ở thời điểm cuối tháng, thị trường cao su Osaka bước vào các

phiên điều chỉnh, giá cao su hợp đồng benchmark tháng 9/2021 đạt 236,5 yên/kg vào cuối phiên 23/4, tăng 11,9 yên (tương đương tăng 5,3%) so với mức thấp ngày 13/4.

Tại thị trường trong nước, giá mủ cao su thiên nhiên dạng nước tại Đồng Nai tháng 4/2021 tăng nhẹ, từ mức 9.500 đồng/kg lên 10.500 đồng/kg. Giá mủ cao su ở Đông Nam Bộ được các thương lái thu mua giao động quanh mức 315 - 325 đồng/độ mủ. Giá mủ SVR trong nước từ Tết Nguyên đán đến nay không có biến động lớn. Ngày 23/4, mủ SVR 20 tiếp tục có mức thấp nhất 25.206,3 đồng/kg; SVR L đạt 39.297,13 đồng/kg; SVR GP đạt 25.677,86 đồng/kg; mủ SVR 10 đạt 25.318,58 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: Bên cạnh việc đóng cửa nhà máy do đại dịch và tình trạng thiếu chip, ngành công nghiệp sản xuất ô tô toàn cầu còn phải đối mặt với tình trạng cạn kiệt nguồn cung cao su. Nguồn cung cao su toàn cầu bị ảnh hưởng do tình trạng thiếu container vận chuyển quay trở lại, việc Trung Quốc tăng cường dự trữ và dịch bệnh hoành hành cũng ảnh hưởng đến sản lượng cao su cung cấp ra thị trường. Theo đó, các chuyên gia, dự báo trong giai đoạn trung hạn từ năm 2021-2024, giá cao su thế giới có thể sẽ bước vào chu kỳ tăng giá mới do nguồn cung cao su đang giảm dần.

9. Sản phẩm chăn nuôi

9

Giá lợn nạc giao tháng 5/2021 thị trường Chicago, Mỹ biến động tăng trong tháng qua với mức tăng 5,95 UScent/lb (tương đương 3.023 VNĐ/kg) lên mức 107,45 UScent/lb (tương đương 54.593 VNĐ/kg). Giá thịt lợn tăng do nguồn cung thịt lợn hạn hẹp và nhu cầu tăng mạnh.

Tại thị trường trong nước, trong tháng 4/2021, giá lợn hơi biến động giảm tại các khu vực. Tại miền Bắc, giá lợn hơi giảm 1.000 - 2.000 đồng/kg so với tháng trước. Hai tỉnh Lào Cai và Phú Thọ được ghi nhận mức giao dịch thấp nhất khu vực ở mức 71.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg. Hai tỉnh Tuyên Quang và Nam Định lần lượt giảm 1.000 đồng/kg và 2.000 đồng/kg so với tháng trước, hiện đang thu mua chung ngưỡng 72.000 đồng/kg. Giá lợn hơi miền Bắc được ghi nhận trong khoảng 71.000 - 73.000 đồng/kg.

Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên giảm 2.000 đồng/kg, giá thu mua lợn hơi trong khoảng 70.000 - 74.000 đồng/kg. Giá giao dịch thấp nhất được ghi nhận tại tỉnh Thừa Thiên Huế là 70.000 đồng/kg. Tại Quảng Trị và Bình Định, hiện giao dịch lợn hơi cùng ở mức 71.000 đồng/kg.

Giá lợn hơi khu vực phía Nam cũng có biến động giảm so với tháng trước, dao động trong khoảng 72.000 - 74.000 đồng/kg. Cụ thể, giá lợn hơi tại tỉnh Kiên Giang giảm 1.000 đồng/kg, hiện thu mua với giá 74.000 đồng/kg. Tại tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh, sau khi giảm 1.000 - 2.000 đồng/kg, giá lợn hơi lần lượt giao dịch tại mức 73.000 đồng/kg và 74.000 đồng/kg.

Đối với các sản phẩm gia cầm bán tại trại, giá gà thịt lông màu đều tăng nhẹ ở các địa phương, trong khi đó giá gà công nghiệp giảm nhẹ ở miền Bắc, giá trung giữ ổn

định trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày miền Bắc tăng 3.000 đồng/kg lên mức 36.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày miền Trung tăng 4.000 đồng/kg lên mức 36.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày khu vực miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ tăng 9.000 đồng/kg lên 36.000 – 37.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc giảm 1.000 đồng/kg xuống 21.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung giữ mức 27.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Đông và miền Tây Nam Bộ tăng 1.000 đồng/kg lên 29.000 đồng/kg. Giá trứng gà miền Bắc và miền Trung giữ ở mức 1.200 – 1.600 đồng/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 200 - 250 đồng/quả, hiện ở mức 950 – 1.100 đồng/quả.

Về xuất khẩu, giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 4 năm 2021 ước đạt 36 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu chăn nuôi 4 tháng đầu năm 2021 ước đạt 125 triệu USD, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa ước đạt 34 triệu USD, tăng 27,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 4 năm 2021 đạt 343,8 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu chăn nuôi 4 tháng đầu năm 2021 đạt 1,38 tỷ USD, tăng 36,9% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước đạt 395,4 triệu USD, tăng 6,3%.

10

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 4 năm 2021 ước đạt 650 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 4 tháng đầu năm 2021 đạt 2,39 tỷ USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2020. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021, chiếm 57,2% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 3 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản tăng tại hầu hết các thị trường, trong đó thị trường có giá trị tăng mạnh nhất là Nga tăng 55%. Xuất khẩu sang thị trường Mỹ quý I/2020 đạt 335,06 triệu USD, chiếm 19,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2020; Xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản quý I/2020 đạt 307,12 triệu USD, chiếm 17,7%, giảm 2%; Tính riêng tháng 3/2021 đạt 125,12 triệu USD, tăng 79,5% so với tháng 2/2021, giảm 2,7% so cùng kỳ năm trước; Xuất khẩu thủy sản sang thị trường sang EU quý I/2020 đạt 237,82 triệu USD tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước; Xuất khẩu sang Trung Quốc quý I/2021 đạt 161,58 triệu USD, chiếm 9,31% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong quý này, tăng 15,09% so với quý I/2020; Xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, quý I/2021 đạt 161,28 triệu USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 4/2021 đạt 180 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 679 triệu USD, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2020. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 3 tháng đầu năm 2021 chủ yếu là từ Ấn Độ chiếm tỷ trọng 15%; Na Uy chiếm 11,3% và Trung Quốc chiếm 9,2%. So

với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021 từ các thị trường này đều tăng, mức tăng lần lượt là: 24,2%, 28% và 56,4%.

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), trong tháng 2/2021, Mỹ đã nhập khẩu 8.510 tấn phile cá tra đông lạnh trị giá 21,4 triệu USD, giảm 15,9% về lượng và giảm 13,8% so với tháng 1/2021. Giá trung bình nhập khẩu của cá tra phile đông lạnh ở mức 2,51 USD/kg, tăng 2,44% so với tháng 1/2021. Trong tháng 2/2021, Mỹ đã nhập khẩu 52.902 tấn tôm trị giá 450,8 triệu USD, giảm 24% về lượng và 25% về giá trị so với tháng 1/2021.

Thị trường cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL chững giá và có xu hướng giảm nhẹ sau khi có những chuyển biến tích cực vào tháng trước. Các doanh nghiệp lớn tiếp tục tìm mua nhiều nguyên liệu ngoài, chủ yếu bắt cá size 900g-1kg với giá dao động 21.000-21.500. Giá cá giống mẫu 30 con/kg giảm mạnh so với tháng trước, về quanh mức 22.000-24.000 đ/kg.

Thị trường tôm nguyên liệu ĐBSCL trong tháng nhích nhẹ do nguồn cung tăng chậm. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg hiện ở mức 270.000 đ/kg, tăng 10.000 đ/kg so với thời điểm cuối tháng trước, cỡ 30 con/kg tăng 10.000 đ/kg đạt 200.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg tăng 30.000 đ/kg lên 160.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá cỡ 60 con/kg tăng 8.000 đ/kg so với cuối tháng trước lên 123.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg tăng 6.000 đ/kg lên 116.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg tăng 3.000 đ/kg lên 93.000 đ/kg. Trong tháng, tôm thẻ được thu hoạch rải rác với những ao thả nuôi sớm đầu năm (chủ yếu tại Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu) nên nguồn cung tăng chậm, chủ yếu là tôm cỡ 60-70 con/kg trở xuống.

Một số nhận định và dự báo: (i) Đức là quốc gia phát triển trong khối liên minh EU với dân số 83,88 triệu người. Mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người năm 2020 của Đức là gần 14kg/người/năm. Mặc dù mức tiêu thụ thủy sản này không cao so với bình quân tiêu thụ thủy sản thế giới, ngày càng nhiều người dân Đức cảm thấy việc tiêu thụ thủy sản rất có lợi cho sức khỏe và lựa chọn tiêu dùng thủy sản cũng tiện dụng không kém các sản phẩm thịt khác. Vì vậy, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Đức trong thời gian tới sẽ tăng. Hơn nữa, Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ tháng 8/2020 tạo ra nhiều lợi thế với sản phẩm thủy sản chính của Việt Nam xuất khẩu tới Đức. Chính vì thế, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới Đức trong thời gian tới sẽ tăng mạnh; (ii) Việt Nam vẫn được hưởng thuế suất nhập khẩu vào Hàn Quốc là 0% đối với các sản phẩm bạch tuộc tươi/sống và đông lạnh (HS030751 và HS030759) và đây cũng là sản phẩm bán được nhiều nhất vào thị trường này. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu bạch tuộc của Việt Nam cần đẩy mạnh xuất khẩu với 2 sản phẩm trên để tăng kim ngạch xuất khẩu bạch tuộc hơn nữa sang Hàn Quốc; (iii) Trong thời gian tới, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada sẽ tăng trưởng tốt do thủy sản Việt Nam đã đáp ứng được các yêu cầu của Canada. Trong đó, tôm là mặt hàng chủ lực sang thị trường này sẽ tăng hơn

nữa do nhu cầu tiêu thụ tôm tại Canada tăng. Canada được coi là cửa ngõ vào thị trường toàn cầu nhờ khả năng tiếp cận thị trường ưu tiên thông qua các hiệp định thương mại với 51 quốc gia. Trong đó, các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam cần tận dụng tốt Hiệp định CPTPP vì các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường này như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia đều không tham gia Hiệp định.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tháng 4 năm 2021 ước đạt 1,2 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 4 tháng đầu năm 2021 đạt 4,99 tỷ USD, tăng 50,5% so với cùng kỳ năm 2020. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc là bốn thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021 - chiếm 87,1% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong 3 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng tại hầu hết các thị trường, ngoại trừ Đài Loan (giảm 0,1%) và Anh (giảm 0,7%).

Giá trị nhập khẩu tháng 4/2021 ước đạt 250 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 978,8 triệu USD, tăng 33,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, 31,8% trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam là từ Trung Quốc, 11,9% từ Hoa Kỳ và 6,2% từ Thái Lan. Giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2021 từ các thị trường này đều tăng, lần lượt ở mức 50,3%, 1,9% và 80,3%.

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), EU 27 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong năm 2020 đạt 6,94 triệu tấn, trị giá 18,73 tỷ Euro (tương đương 22,1 tỷ USD), tăng 0,2% về lượng và giảm 0,8% về trị giá so với năm 2019. Trong đó, nhập khẩu từ Ba Lan chiếm 26,2%; Trung Quốc chiếm 11,8% tổng lượng nhập khẩu của EU 27 từ tất cả các thị trường.

Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn là mặt hàng chính trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ EU 27 nhập khẩu trong năm 2020, với tỷ trọng chiếm 51% tổng lượng đồ nội thất bằng gỗ EU 27 nhập khẩu. Ba Lan, Trung Quốc, Ý, Đức, Litva là những thị trường cung cấp chính mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn cho EU 27.

Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ EU 27 nhập khẩu từ Việt Nam trong năm 2020 thì mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất, đạt 69,24 nghìn tấn, trị giá 205,76 triệu Euro (tương đương 242,8 triệu USD), giảm 6,2% về lượng và giảm 4,1% về trị giá so với năm 2019. Tiếp theo là mặt hàng ghế khung gỗ, đồ nội thất phòng ngủ, đồ nội thất văn phòng và đồ nội thất nhà bếp.

MỘT SỐ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

1. Ngày 4/5/2021, Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg đã giới thiệu tài liệu với tiêu đề “Tổng quát các thủ tục nhập khẩu vào EU” sau 1 năm Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn do đại dịch COVID 19 cũng như sự tắc nghẽn vận tải biển, từ những minh chứng thực tiễn Hiệp định EVFTA là đã trở thành giải pháp hữu hiệu cho cả Việt Nam và EU, bộ tài liệu đã tổng hợp các quy định của EU liên quan đến nhập khẩu hàng hóa vào EU nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam có cái nhìn tổng thể về các thủ tục khi xuất khẩu vào thị trường EU. Chi tiết xem tại: <https://vn-eu-tradehub.com/2021/05/04/tai-lieu-tong-quan-cac-quy-dinh-nhap-khau-va-thi-truong-eu/>

2. EU thay đổi cách tiếp cận kiểm soát thực phẩm hỗn hợp nhập khẩu

Quy định mới EU 2020/2236 thay đổi cách tiếp cận kiểm soát thực phẩm hỗn hợp nhập khẩu từ bên ngoài vào EU và sẽ có hiệu lực từ ngày 21/4/2021. Trước đây, EU quy định thực phẩm hỗn hợp có chứa trên 50% thành phần từ sản phẩm có nguồn gốc động vật thì áp dụng kiểm soát như thực phẩm có nguồn gốc động vật. Các loại thực phẩm hỗn hợp có chứa thành phần thực phẩm có nguồn gốc động vật nhỏ hơn 50% thì áp dụng như các quy định thực phẩm hỗn hợp có nguồn gốc thực vật.

Tất cả các sản phẩm tổng hợp có chứa sản phẩm động vật như sữa, trứng, thịt, thủy sản... phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch động vật hoặc giấy tự xác nhận của nhà sản xuất bổ sung, các sản phẩm từ sữa phải có chứng nhận xử lý nhiệt. Các thành phần có nguồn gốc động vật (trừ gelatin và collagen) được sử dụng để sản xuất một sản phẩm tổng hợp phải có nguồn gốc từ nước thứ ba với một kế hoạch kiểm soát dư lượng đã được phê duyệt cho các thành phần cụ thể. EU đã đưa ra mẫu giấy chứng nhận y tế theo mẫu đối với các sản phẩm tổng hợp nhập khẩu, được thực hiện từ năm 2012. Các yêu cầu chứng nhận hiện tại đối với sản phẩm hỗn hợp sẽ tiếp tục được áp dụng cho đến ngày 21/4/2021¹.

Theo qui định mới của EU, sau ngày 21/4/2021, yêu cầu nhập cảnh sẽ không còn dựa trên tỷ lệ phần trăm của các thành phần có nguồn gốc từ động vật mà dựa trên sức khỏe động vật hoặc nguy cơ sức khỏe cộng đồng liên kết với chính các sản phẩm tổng hợp đó².

3. Công cụ thông tin ghi nhãn thực phẩm mới trên toàn EU

FLIS (Food Labelling Information System), là một công cụ thông tin ghi nhãn thực phẩm mới trên toàn EU, hiện đã có trên trang web của Ủy ban châu Âu. Công cụ

¹ <https://vietnordic.com/2021/04/eu-thay-doi-cach-tiep-can-kiem-soat-thuc-pham-hon-hop-nhap-khau/>

này giúp các công ty nhanh chóng tìm ra thông tin về các loại thực phẩm và nhóm thực phẩm khác nhau nên được dán nhãn vào sản phẩm trước khi bán ra thị trường EU.

Hiện nay, phiên bản đầu tiên đang có trên trang web của Ủy ban châu Âu, chứa các quy tắc chung của Liên minh châu Âu về ghi nhãn thực phẩm đối với từng loại hàng hóa. Công cụ này đơn giản, miễn phí, có thể được sử dụng bởi các công ty muốn bán thực phẩm ở các nước EU và các nước muốn xuất khẩu thực phẩm vào EU để biết rõ thêm về quy định ghi nhãn.

Dự kiến trong phiên bản tiếp theo, công cụ này sẽ được bổ sung các quy tắc ghi nhãn quốc gia bắt buộc áp dụng cụ thể cho các quốc gia thành viên khác nhau của EU. Đây là một công cụ hữu ích để các doanh nghiệp có thể dễ dàng tìm ra những thông tin bắt buộc phải có trên bao bì³.

4. Từ ngày 1/4/2021, thực phẩm vượt quá giới hạn tối đa chất béo chuyển hóa sẽ không được bán trên thị trường EU

Tháng 4/2019, quy định 2019/649 sửa đổi phụ lục III quy định 1925/2006 về chất béo chuyển hóa đã được công bố chính thức. Quy định mới này đặt ra giới hạn hàm lượng chất béo chuyển hóa, trừ chất béo chuyển hóa tự nhiên trong động vật, trong thực phẩm dành cho người tiêu dùng cuối cùng và thực phẩm dùng để cung cấp cho cơ sở bán lẻ, không được vượt quá 2 gam trên 100 gam chất béo. Quy định có hiệu lực từ tháng 4/2019. Tuy nhiên, thực phẩm không tuân thủ quy định này vẫn có thể tiếp tục được bán trên thị trường cho đến ngày 01/4/2021⁴.

5. EU phê chuẩn kế hoạch kiểm soát động thực vật của các nước thứ 3: Ngày 20/4/2021, EU đã công bố quyết định chấp nhận kế hoạch kiểm soát động thực vật của các nước ngoài EU. Theo đó Việt Nam được công nhận đối với hai sản phẩm là hải sản và mật ong. Thông tin chi tiết xin tham khảo tại <https://vn-eu-tradehub.com/2021/04/23/eu-phe-chuan-ke-hoach-kiem-soat-dong-thuc-vat-cua-cac-nuoc-thu-3/>

6. Tiếp theo thông báo số 38-2021 ngày 15/3/2021 về Giai đoạn 1 của các điều kiện nhập khẩu sửa đổi đối với hạt giống apiaceous để gieo hạt có hiệu lực từ ngày 30/3/2021; ngày 30/3/2021, Úc đã có thông báo số 50-2021 thông báo về việc này. Theo đó tất cả các lô hàng hạt giống quả anh đào, cần tây, cà rốt, thì là, củ cải vàng và mù tạt tây để gieo hạt nhập khẩu vào Úc phải kèm theo giấy phép nhập khẩu hợp lệ. Các lô hàng đến vào/sau ngày 30/3/2021 không có giấy phép nhập khẩu, bao gồm cả các trường hợp đã đăng ký hiện đang được xem xét, sẽ được hướng dẫn xuất khẩu hoặc tiêu hủy theo cách thức đã được phê duyệt.

³ <https://vietnordic.com/2021/04/cong-cu-ghi-nhan-thuc-pham-moi-tren-toan-eu/>

⁴ <https://vietnordic.com/2021/03/tu-ngay-1-4-2021-thuc-pham-vuot-qua-gioi-han-toi-da-chat-beo-chuyen-hoa-se-khong-duoc-ban-tren-thi-truong-eu/>

Các điều kiện nhập khẩu thay đổi như đã được thông báo vào ngày 11/12/2020; 11/02/2021; 15/3/2021. Ngoài các thông tin đã được thông báo ngày 15/3/2021, Úc sẽ tạm dừng yêu cầu xử lý thuốc trừ nấm bắt buộc đối với hạt giống cà rốt và thì là nhập khẩu dùng để gieo hạt. Điều này để các bên liên quan có thời gian để xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro thay thế biện pháp xử lý bằng thuốc diệt nấm. Úc sẽ xem xét việc này trước tháng 10/2021 và sẽ có các thông báo tiếp theo. Thông tin chi tiết tại đây: <http://vietnamtradeoffice.net/dieu-kien-nhap-khau-sua-doi-doi-voi-mot-so-loai-hat-giong/>

7. Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển và một số nước châu Âu vừa phát đi thông báo mới về việc Liên minh châu Âu (EU) áp dụng quy định mới (EU) 2020/2236 về thay đổi cách tiếp cận kiểm soát thực phẩm hỗn hợp nhập khẩu từ bên ngoài vào EU.

Quy định mới này có hiệu lực từ ngày 21/4/2021, theo đó các doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm sang EU cần lưu ý để hàng hóa tránh bị "mắc lỗi". Cụ thể, trước đây, EU quy định thực phẩm hỗn hợp có chứa trên 50% thành phần từ sản phẩm có nguồn gốc động vật thì áp dụng kiểm soát như thực phẩm có nguồn gốc động vật. Các loại thực phẩm hỗn hợp có chứa thành phần thực phẩm có nguồn gốc động vật nhỏ hơn 50% thì áp dụng như các quy định thực phẩm hỗn hợp có nguồn gốc thực vật. Tất cả các sản phẩm tổng hợp có chứa sản phẩm động vật như sữa, trứng, thịt, thủy sản... phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch động vật hoặc giấy tự xác nhận của nhà sản xuất bổ sung, các sản phẩm từ sữa phải có chứng nhận xử lý nhiệt. Các thành phần có nguồn gốc động vật (trừ gelatin và collagen) được sử dụng để sản xuất một sản phẩm tổng hợp phải có nguồn gốc từ nước thứ ba với một kế hoạch kiểm soát dư lượng đã được phê duyệt cho các thành phần cụ thể. EU đã đưa ra mẫu giấy chứng nhận y tế theo mẫu đối với các sản phẩm tổng hợp nhập khẩu, được thực hiện từ năm 2012. Các yêu cầu chứng nhận hiện tại đối với sản phẩm hỗn hợp sẽ tiếp tục được áp dụng cho đến ngày 21/4/2021. Theo quy định mới của EU, sau ngày 21/4/2021, yêu cầu nhập cảnh sẽ không còn dựa trên tỷ lệ phần trăm của các thành phần có nguồn gốc từ động vật mà dựa trên sức khỏe động vật hoặc nguy cơ sức khỏe cộng đồng liên kết với chính các sản phẩm tổng hợp đó⁵.

8. Theo chỉ đạo của Tổng thống Algeria, Hiệp hội ngân hàng và cơ sở tài chính nước này (ABEF) vừa có văn bản yêu cầu các ngân hàng trong nước cảnh giác hơn đối với các nhà nhập khẩu sử dụng tín dụng thư (L/C) trong thanh toán hóa đơn nhập khẩu. Trong công văn ngày 15/4/2021 gửi lãnh đạo các ngân hàng và cơ sở tài chính, ABEF yêu cầu “phải cảnh giác hơn trước khi cho phép sử dụng tín dụng thư làm phương thức thanh toán nhập khẩu” và khuyến nghị các ngân hàng “cần tìm hiểu rõ khách hàng muốn dùng L/C”. Công văn nhấn mạnh “Việc thanh toán nhập khẩu bằng L/C diễn ra khi ngân hàng người mua nhận được bộ chứng từ, tức là trước khi thông quan hàng hóa”. Theo

⁵ Thông tin từ Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

một số chuyên gia ngân hàng, chính quyền Algeria muốn áp đặt việc kiểm soát nhiều hơn đối với các hoạt động nhập khẩu thanh toán bằng thư tín dụng, đồng thời khuyến khích quay lại hình thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ hoặc chuyển tiền tự do là những phương thức được thực hiện sau khi thông quan hàng hóa. Mục tiêu của chỉ thị này là cần có sự kiểm soát tốt hơn việc chuyển ngoại tệ trong khuôn khổ các hoạt động nhập khẩu và tối thiểu hóa các hành vi gian lận, mua bán bất hợp pháp từ phía doanh nghiệp nhập khẩu, những người có thể chuyển tiền ra nước ngoài trước khi hàng đến cảng Algeria. Hiện nay, phương thức thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận được đa số doanh nghiệp nhập khẩu Algeria sử dụng, là một công cụ bảo đảm thanh toán cho nhà xuất khẩu sang Algeria nhưng lại ít bảo đảm cho khách hàng nước này vì họ chỉ có thể tiếp cận hàng hóa sau khi đã thanh toán tiền hàng. Việc này dẫn tới rủi ro về chất lượng sản phẩm, thậm chí không giao hàng trên thực tế. Vì vậy, trong Luật tài chính 2021, chính phủ Algeria đã quy định việc thanh toán chậm 45 ngày đối với một số mặt hàng nhập khẩu để bán lại nguyên trạng nhằm bảo đảm cho hải quan có thời gian kiểm tra hàng sao cho phù hợp với nội dung bộ chứng từ.

Tại Algeria, tín dụng thư (L/C) từng được quy định là phương thức thanh toán xuất nhập khẩu duy nhất trong Luật tài chính bổ sung năm 2009, nhưng sau đó chỉ áp dụng bắt buộc đối với một số loại hàng hóa nhập khẩu phục vụ tiêu dùng cuối cùng⁶.

10. Bộ Thương mại Algeria vừa thông báo cho Bộ Tài chính nước này về việc cập nhật danh sách các loại trái cây tạm ngừng nhập khẩu vào Algeria trong thời gian thu hoạch. Tổng cộng có 13 loại trái cây gồm cam, quýt, mơ, quả anh đào, quả đào, mận, nho, lê, táo, hạnh nhân, vả, lựu, sơn trà và mộc qua thuộc đối tượng nêu trên. Quyết định được đưa ra nhằm "bảo vệ sản xuất trong nước cũng như tăng cường kiểm soát đối với trái cây nhập khẩu để tránh tình trạng ghi hóa đơn cao hơn giá trị thực và bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm vì sức khỏe của người dân". Tuy nhiên, Thương vụ Việt Nam tại Algeria khẳng định, doanh nghiệp Việt Nam không xuất khẩu các trái cây này sang Algeria nên sẽ không bị ảnh hưởng từ quyết định này.

⁶Thông tin từ Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương